

Số: 1208/CV-CBTT.2021

V/v: CBTT Báo cáo tài chính bán
niên năm 2021 (soát xét) và Báo
cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày
30/06/2021 (soát xét)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- ỦY BAN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA.

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG (PHFM)**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.5413.7991

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lu, Hui-Hung

Loại công bố thông tin: 24h 72h Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

1. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 (“Báo cáo tài chính bán niên năm 2021”) của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“PHFM”) đã được soát xét và lập ngày 12 tháng 08 năm 2021.
2. Giải trình cho số liệu lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2021 trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/ (giảm)
Lợi nhuận sau thuế	631.784.924	(294.532.254)	926.317.178	315%

06 tháng đầu năm 2021, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 315%. Sự biến động của kết quả kinh doanh chủ yếu bắt nguồn từ việc tăng doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

Do đó, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng đáng kể như được thể hiện trong kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của chúng tôi.

3. Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 (soát xét).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của PHFM tại: <http://phfm.vn/vi/>, phần Quan hệ nhà đầu tư, mục Báo Cáo Tài Chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2021 (soát xét);
- Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 (soát xét).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Ban thư ký.



Ông LU, HUI-HUNG
Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của
người đại diện theo pháp luật

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

*Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm 2021, kết thúc ngày 30/06/2021
đã được soát xét*

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

*Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm 2021, kết thúc ngày 30/06/2021
đã được soát xét*

Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38205944 Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	12 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 25



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2021, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho 6 tháng đầu năm 2021 là 631.784.924 VND. Lợi nhuận sau thuế cho 6 tháng đầu năm 2020 là (294.569.294) VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là (6.883.178.633) VND. Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là (8.340.823.083) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông :	Albert Kwang - Chin Ting	Chủ tịch
Ông :	Ho, Feng Tao	Thành viên
Ông :	Wu, Jin - Jeng	Thành viên
Bà :	Huang, Wan - Hui	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Ông :	Lu, Hui - Hung	Tổng Giám đốc
-------	----------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông :	Liew, Sep - Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Lii, San - Rong	Thành viên BKS
Ông :	Lo, Nai - Wei	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.



Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2021, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị **Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng** phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2021, kết thúc ngày 30/06/2021 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chin Ting



**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2021
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Kính gửi:

- Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2021 kết thúc vào ngày 30/06/2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng, được lập ngày 12/08/2021, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN KTV: 0424-2018-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		32.177.669.078	31.765.118.783
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	27.658.361.627	2.492.763.473
1. Tiền	111		27.658.361.627	2.492.763.473
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V. 2	3.500.000.000	28.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.500.000.000	28.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		805.810.951	686.255.310
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132	V. 3	289.797.000	38.350.355
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V. 4	394.317.378	376.032.545
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5.1	121.696.573	271.872.410
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.496.500	86.100.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V. 6	213.496.500	86.100.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		184.500.572	184.500.572
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		184.500.572	184.500.572
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5.2	184.500.572	184.500.572
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V. 7	397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397.464.302)	(397.464.302)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		32.362.169.650	31.949.619.355
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		245.348.283	464.582.912
I. Nợ ngắn hạn	310		245.348.283	464.582.912
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V. 8	186.208.450	160.291.122
5. Phải trả người lao động	315		-	229.756.250
6. Chi phí phải trả	316	V. 9	59.139.833	74.535.540
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		32.116.821.367	31.485.036.443
I. Vốn chủ sở hữu	410		32.116.821.367	31.485.036.443
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V. 10	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.883.178.633)	(7.514.963.557)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		32.362.169.650	31.949.619.355

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		74,44	77,19

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Linh

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Linh

Nguyễn Hải Linh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chin Ting

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	VI. 1.1	3.283.429.077	1.678.752.472
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01- 02)	10		3.283.429.077	1.678.752.472
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		3.283.429.077	1.678.752.472
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI. 1.2	1.260.385.556	1.146.142.529
7. Chi phí tài chính	22		11.855	37.040
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI. 2	3.754.071.623	3.113.295.226
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		789.731.155	(288.437.266)
10. Thu nhập khác	31		-	6.132.029
11. Chi phí khác	32	VI. 3	-	(6.132.029)
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	(6.132.029)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		789.731.155	(294.569.294)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI. 4	157.946.231	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		631.784.924	(294.569.294)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		162	(76)

Người lập biểu

Linh

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Linh

Nguyễn Hải Linh

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chin Ting

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp trực tiếp)**6 tháng đầu năm 2021*

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.265.144.244	1.738.635.123
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.252.488.899)	(852.639.586)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.329.911.954)	(1.987.442.823)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(115.145.942)	(133.959.365)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43.732.000	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(812.526.833)	(471.376.845)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.201.197.384)	(1.706.783.496)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.366.802.375	1.281.961.470
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.366.802.375	1.281.961.470
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		25.165.604.991	(424.822.026)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.492.763.473	2.187.434.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(6.837)	441
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.1	27.658.361.627	1.762.612.938

Lập, ngày 08 tháng 08 năm 2021

Người lập biểu

Linh

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Linh

Nguyễn Hải Linh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chín Tíng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước 01/01/2020	Kỳ này 01/01/2021	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước 30/06/2020	Kỳ này 30/06/2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000					39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ (*)									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(8.046.253.789)	(7.514.963.557)		294.569.294	631.784.924		(8.340.823.083)	(5.883.178.633)
10. Lợi nhuận chưa phân phối		30.953.746.211	31.485.036.443		294.569.294	631.784.924		30.659.176.917	32.116.821.367
Cộng									

Lập, ngày 12 tháng 08 năm 2021
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Kế toán trưởng

Linh

Nguyễn Hải Linh

Người lập biểu

Linh

Nguyễn Hải Linh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *6 tháng đầu năm 2021*

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC - UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

5. Tổng số nhân viên: 17 người, trong đó có 08 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm máy tính

03 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền"

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch TP HCM và Sở Giao dịch Hà Nội (không bao gồm Sàn giao dịch UpCom)

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : $\text{Max} (\text{Giá trị sổ sách} ; \text{Giá mua} ; \text{Giá xác định theo phương pháp nội bộ})$

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán,
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán .

Tức là : $\text{Max} (\text{Giá trị sổ sách} ; \text{Giá mua} ; \text{Giá xác định theo phương pháp nội bộ})$

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch :

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán;
- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá từ các báo giá
- + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất
- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : $\text{Max} (\text{Giá từ các báo cáo} ; \text{Giá của kỳ báo cáo gần nhất} ; \text{Giá trị sổ sách} ; \text{Giá mua} ; \text{Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán})$

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí di dời văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ *6 tháng đầu năm 2021*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2021

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1.1 Tiền mặt (*)	182.000	3.861.500
1.2 Tiền gửi ngân hàng (**)	27.658.179.627	2.488.901.973
a. Tiền gửi ngân hàng VND	27.656.473.462	2.487.125.831
Tiền gửi ngân hàng BIDV - CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa	74.951.457	9.734.005
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank - CN Nam Sài Gòn	27.581.522.005	2.477.391.826
b. Tiền gửi ngân hàng USD	1.706.165	1.776.142
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	1.706.165	1.776.142
1.3 Tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	27.658.361.627	2.492.763.473

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2021 khớp với biên bản kiểm kê thực tế.

(**) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 30/06/2021 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
2.1. Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn gốc 12 tháng	-	-	25	25.000.000.000
Trái phiếu công ty TNHH Thế Vượng ⁽¹⁾	-	-	25	25.000.000.000
2.2. Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)		3.500.000.000		3.500.000.000
Tiền gửi ngân hàng BIDV - CN Bắc Sài Gòn ⁽²⁾		1.000.000.000		1.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng Nam Á - CN Hàm Nghi ⁽³⁾		1.500.000.000		1.500.000.000
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾		1.000.000.000		1.000.000.000
Tổng cộng		3.500.000.000		28.500.000.000

Ghi chú:

Hợp đồng mua bán trái phiếu số 03/2020/HĐMBTP/THEVUONG ngày 28 tháng 12 năm 2020, kỳ hạn 1 năm từ ngày 28/12/2020 đến ngày 28/12/2021, số lượng trái phiếu 25, lãi suất 9,5%/ năm, lãi được thanh toán 6 tháng 1 lần hoặc khi mua lại trái phiếu trước hạn. Trái phiếu được mua lại trước hạn theo hợp đồng mua lại trái phiếu số 01/2021/HĐMLTP/THEVUONG ngày 28/06/2021.

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/2089231/HĐTG ngày 17/01/2019, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm. Đến 17/01/2021 hợp đồng tự động tái tục với lãi suất bằng lãi suất thị trường là 4,9%/năm.

(2) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 97/2019/HĐTG-NHNA-H.NGHI và số 98/2019/HĐTG-NHNA-H.NGHI ngày 29/01/2019, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,8%/năm, đến ngày 28/01/2021 tiếp tục tái tục với lãi suất thị trường là 6,0%/năm.

(3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 27/HĐTG-PGD4 ngày 31/01/2019, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm. Đến 31/01/2021 hợp đồng tự tái tục với lãi suất thị trường là 4,6%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu năm 2021

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	-	38.350.355
Chi phí di dời IT văn phòng với công ty CP Công nghệ Gensys	245.797.000	-
Phi kiểm toán	44.000.000	-
Tổng cộng	<u>289.797.000</u>	<u>38.350.355</u>

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	5.907.006	-
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	388.410.372	376.032.545
Tổng cộng	<u>394.317.378</u>	<u>376.032.545</u>

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

5.1. Ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi trái phiếu	-	26.027.397
Lãi tiền gửi	78.646.573	159.063.013
Đặt cọc tiền điện văn phòng	-	4.000.000
Đặt cọc thuê văn phòng	-	39.732.000
Đặt cọc thuê căn hộ Star Hill (*)	43.050.000	43.050.000
Tổng cộng	<u>121.696.573</u>	<u>271.872.410</u>

5.2. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc thuê văn phòng (**)	171.700.572	171.700.572
Đặt cọc vỏ bình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	2.300.000	2.300.000
Đặt cọc thẻ taxi Vinasun	5.000.000	5.000.000
Đặt cọc Công ty TNHH Grab	5.000.000	5.000.000
Tổng cộng	<u>184.500.572</u>	<u>184.500.572</u>

Ghi chú:

(*) Đặt cọc tiền thuê căn hộ Star Hill ngày 14/08/2020 thời hạn 12 tháng từ ngày 15/08/2020 đến ngày 14/08/2021, số tiền thuê 43.050.000 đồng/tháng. Đặt cọc trước 1 tháng tiền thuê.

(**) Hợp đồng đặt cọc thuê văn phòng số 091120/PMH_PMHT_21F_U4 có hiệu lực từ ngày 09/11/2020, thời hạn 5 năm từ ngày 19/01/2021 đến ngày 18/01/2026.

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê căn hộ Star Hill	86.100.000	86.100.000
Chi phí học phí	127.396.500	-
Tổng cộng	<u>213.496.500</u>	<u>86.100.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	-	-	-	397.464.302	397.464.302
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
- Thuế Thu nhập cá nhân	94.881.442	215.176.098	232.059.059	77.998.481
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	65.409.680	157.946.231	115.145.942	108.209.969
Tổng cộng	160.291.122	373.122.329	347.205.001	186.208.450

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải trả phí đỗ xe	750.000	3.480.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	44.000.000	44.000.000
- Chi phí khác	14.389.833	27.055.540
Tổng cộng	59.139.833	74.535.540

10. VỐN CỔ PHẦN

	Số cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

	Số cổ phiếu	Vốn góp tại ngày 30/06/2021	% sở hữu
Ông Albert Kwang - Chin Ting	1.560.000	15.600.000.000	40%
Ông Ting, Kwang Hung	1.560.000	15.600.000.000	40%
Bà Chen, Hsiao-Fan	780.000	7.800.000.000	20%
Tổng cộng	3.900.000	39.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh:

1 DOANH THU

Chi tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
1.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
- Tổng doanh thu	3.283.429.077	1.678.752.472
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	247.522.071	248.752.472
+ Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	5.907.006	-
+ Doanh thu hoạt động tư vấn	3.030.000.000	1.430.000.000
1.2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.260.385.556	1.146.142.529
- Lãi tiền gửi	98.912.953	89.411.059
- Lãi trái phiếu doanh nghiệp	1.161.472.603	1.056.693.989
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	37.481

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vọng Việt Nam (VPDF), Quỹ Đầu Tư Phát triển Hằng Thông (HTDF) và các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi tháng. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

2. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Chi phí nhân viên quản lý	2.644.887.052	2.767.175.407
- Chi phí đồ dùng văn phòng	68.320.700	32.612.000
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	974.768.284	247.399.953
- Chi phí bằng tiền khác	63.095.587	63.107.866
Tổng cộng	3.754.071.623	3.113.295.226

3. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Chi phí khác	-	6.132.029
Tổng cộng	-	6.132.029

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

Đơn vị tính: VND

4. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	157.946.231	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng cộng	157.946.231	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chi tiêu	6 tháng đầu năm 2021	6 tháng đầu năm 2020
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	789.731.155	(294.569.294)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	6.132.029
+ Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	6.132.029
+ Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	789.731.155	(288.437.265)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%)	157.946.231	-
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	631.784.924	(294.569.294)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2021

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu.	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.	-	-
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền;	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ	-	-
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	-	-

**VIII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

1. Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
2. Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: Không
3. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

IX. Những thông tin khác**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày 30/06/2021

Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán

3. Thông tin về các bên liên quan:

Không phát sinh các bên có liên quan

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"

Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28

5. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): Không

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2021**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	Không	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000	đồng/ cổ phiếu
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	3.900.000	3.900.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	Không	Không

8. Những thông tin khác:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2020, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020, kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu

Linh

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Linh

Nguyễn Hải Linh

Lập, ngày 02 tháng 08 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chin Ting

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp quy, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH SOÁT XÉT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ PHÚ HÙNG

Tại ngày 30/06/2021



BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH SOÁT XÉT
**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ PHÚ HƯNG**

Tại ngày 30/06/2021

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES
COMPANY LIMITED (AASCS)



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	03 - 04
2. Báo cáo soát xét	05 - 05
3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021	06 - 11
4. Thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021	12 - 15

11720-4
CÔNG TY
HỢP HỮU
HỢI TƯ VẤN
KIỂM TOÁN
HÀ NỘI
PHỐ CỎ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, Tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm :

Ông Albert Kwang – Chin Ting	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Ho, Feng Tao	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Wu, Jin – Jeng	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Huang, Wan – Hui	Thành viên Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Ông Lu, Hui – Hung	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát:

Ông Liew, Sep – Siang	Trưởng ban
Ông Lii, San – Rong	Thành viên
Ông Lo, Nai – Wei	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 30/06/2021

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2021. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng.
- ❖ Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- ❖ Lập và trình bày các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- ❖ Lập các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2021

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Albert Kwang – Chủ tịch

BÁO CÁO SOÁT XÉT

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Kính gửi: - Các cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng được lập ngày 12/08/2021 trình bày từ trang 6 đến trang 15.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 của Công ty phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13/11/2020 quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410. Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng đã được lập và trình bày phù hợp với quy định của Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài Chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424 -2018-142-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm 30/06/2021

Chúng tôi cam đoan rằng:

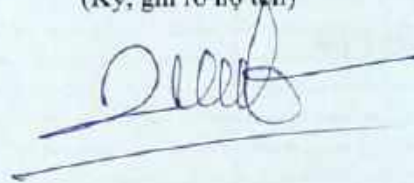
- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài Chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Linh

Nguyễn Hải Linh

Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Duy Long

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Albert Kwang-Chin Ting



I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng (1)	Khoản giảm trừ (2)	Khoản tăng thêm (3)
A	Nguồn Vốn			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	39.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(6.883.178.633)		
9	Số dự dự phòng suy giảm giá trị tài sản	-		
10	Chênh lệch đánh giá lại tài sản có định	-		
11	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính			-
14	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	TỔNG	32.116.821.367		
B	Tài sản ngắn hạn			
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>			
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>			
	Đầu tư ngắn hạn			
1	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</i>			
	Phải thu của khách hàng:			
1	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2	Trả trước cho người bán		289.797.000	
3	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		394.317.378	
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn:			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán:			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6	Các khoản phải thu khác:			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		40.920.547	
7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>			

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
V	Tài sản ngắn hạn khác			
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		213.496.500	
2	Thuế GTGT được khấu trừ			
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4	Tài sản ngắn hạn khác			
	Tạm ứng			
4.1	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			
			938.531.425	
1B	TỔNG			
C	Tài sản dài hạn			
I	Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác			
	Phải thu dài hạn của khách hàng			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
	Phải thu dài hạn nội bộ			
3	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
	Phải thu dài hạn khác			
4	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		184.500.572	
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	
			-	
II	Tài sản cố định			
III	Bất động sản đầu tư			
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
1	Đầu tư vào công ty con			
	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
2	Chứng khoán niêm yết và giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6		-	
3	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài			
4	Đầu tư dài hạn khác			
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V	Tài sản dài hạn khác			
1	Chi phí trả trước dài hạn			
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
3	Ký cược ký quỹ dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6			
			184.500.572	
1C	TỔNG			
	VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C			30.993.789.37

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (%)	Qui mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)*(2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			27.658.361.627	
1	Tiền mặt (VND)	0%	27.658.361.627	
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%		
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định; Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD	3%		
III. Trái phiếu tổ chức tín dụng				
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết				
7	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết				
8	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		
	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại SGDCK Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%		
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại SGDCK Hà Nội	15%		
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		
12	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%		
13	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%		
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				
14	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%		
15	Quỹ thành viên, công ty đầu tư tài chính riêng lẻ	30%		
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch				
16	Chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết bị nhắc nhở do chậm công bố thông tin báo cáo tài chính kiểm toán/soát xét theo quy định	30%		
17	Chứng khoán niêm yết bị cảnh báo	20%		
18	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%		
19	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%		
20	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80%		
VII. Chứng khoán khác				
21	Cổ phiếu, trái phiếu của công ty chưa đại chúng phát hành không có báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất đến thời điểm lập báo cáo hoặc có báo cáo tài chính kiểm toán nhưng có ý kiến kiểm toán là trái ngược, từ chối đưa ra ý kiến hoặc ý kiến không chấp thuận toàn phần.	100%		
22	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%		
23	Các tài sản đầu tư khác	80%		
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có) được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng				
	Chi tiết tới từng mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Rủi ro tăng thêm do tổng giá trị của khoản đầu tư vào trái phiếu không niêm yết của doanh nghiệp khác chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.	30%		
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				-

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán							
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác.				214.718.794		214.718.794
2	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
3	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
6	Hợp đồng cho vay ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						
CỘNG							214.718.794
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán							
	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro		Quy mô rủi ro		Giá trị	
1	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%					
2	16-30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%					

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

3	31 – 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%		
4	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%		
	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 10 Thông tư này; Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC) (Chi tiết từng đối tượng). Khoản tạm ứng chiếm trên 5% vốn chủ sở hữu có thời gian hoàn ứng còn lại dưới 90 ngày (Chi tiết từng đối tượng).	100%		
CỘNG				-
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)				
	Chi tiết	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Giá trị hợp đồng tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu	10%	214.718.794	21.471.879
CỘNG				21.471.879
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)				236.190.673
C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)				
			GIÁ TRỊ	
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 6 năm 2021			7.288.195.282
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí			
1	Chi phí khấu hao			
2	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn			
3	Chi phí/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn			
4	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi			
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ: (III=I-II)			7.288.195.252
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ: (III= I – II)*25%			1.822.048.813
V	20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán (25% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán có nghiệp vụ chứng khoán phái sinh).			5.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {III, IV})				5.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)				5.236.190.673

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	236.190.673	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	5.236.190.673	
5	Vốn khả dụng	30.993.789.370	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	591,91%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30/06/2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC-UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ chứng khoán.

Loại hình kinh doanh : Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn góp cổ phần của Công ty tại ngày 30/06/2021 là 39.000.000.000 VNĐ, gồm có các cổ đông dưới đây:

STT	Tên	Loại cổ đông	Giá trị góp vốn (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Albert Kwang – Chin Ting	Cổ đông góp vốn	15.600.000.000	40%
2	Ting, Kwang – Hung	Cổ đông góp vốn	15.600.000.000	40%
3	Chen, Hsiao – Fan	Cổ đông góp vốn	7.800.000.000	20%
TỔNG CỘNG			39.000.000.000	100%

Các thành viên của Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang – Chin Ting Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ông Ho, Feng Tao Thành viên Hội đồng Quản trị
 Ông Wu, Jin – Jeng Thành viên Hội đồng Quản trị
 Bà Huang, Wan – Hui Thành viên Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Ông Lu, Hui – Hung Tổng Giám đốc

Tổng số nhân viên và người lao động : 17 người (trong đó có 08 nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp).

II. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

1. Tuyên bố về tuân thủ :

Báo cáo tỷ lệ An toàn Tài chính đã được lập phù hợp với các qui định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

2. Cơ sở số liệu tài chính :

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập dựa trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2021. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty kết thúc tại ngày 30/06/2021.

III. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

1. Tỷ lệ Vốn khả dụng :

Tỷ lệ Vốn khả dụng của Công ty được xác định theo công thức quy định trong Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau :

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng}}{\text{Tổng giá trị rủi ro}} \times 100\%$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động

2. Vốn khả dụng :

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh tăng thêm các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư, tài sản tài chính ghi theo giá trị ghi sổ không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày tính toán;
- Trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là năm (5) năm và đã được đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; và
- Các công cụ nợ khác do Công ty phát hành có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là mười (10) năm và đã được đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng giá trị các khoản được sử dụng để bổ sung vào vốn khả dụng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu mỗi năm trong thời gian năm (5) năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ 25% giá trị còn lại mỗi quý trong thời hạn bốn (4) quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán/chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

Vốn khả dụng của Công ty được điều chỉnh giảm các khoản mục sau:

- Vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty và chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Các tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên chín mươi (90) ngày; và các khoản ngoại trừ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán (nếu có).

Khi xác định phần giảm trừ khỏi vốn khả dụng, Công ty điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ một khoản bằng giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản, giá trị sổ sách và giá trị còn lại của các nghĩa vụ (đối với tài sản được dùng làm tài sản đảm bảo cho các nghĩa vụ của Công ty hoặc cho bên thứ ba) và giá trị nhỏ nhất của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị sổ sách (đối với tài sản được đảm bảo bằng tài sản của khách hàng)

3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau :

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Phụ lục II, Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau :

- Tiền : Số dư tài khoản tại ngày tính toán.
- Ngoại tệ: Giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán.
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng: Giá trị tiền gửi cộng lãi lũy kế tính đến ngày tính toán.
- Trái phiếu không niêm yết: Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:
 - + Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế;
 - + Giá mua cộng lãi lũy kế;
 - + Mệnh giá cộng lãi lũy kế;
 - + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.

Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Phụ lục I, Thông tư số 91/2020/TT-BTC như sau:

- Tiền mặt, các khoản tương đương tiền: 0%
- Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm: 25%

Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo nguyên tắc:

- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của công ty chiếm từ 25% trở lên vốn chủ sở hữu.

4. Giá trị rủi ro thanh toán :

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán khi kết thúc ngày giao dịch đối với khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác :

Căn cứ Thông tư số 91/2020/TT-BTC, Công ty áp dụng hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác cho khoản "Tiền gửi có kỳ hạn" tại các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động tại Việt Nam là 6%.

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán :

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán cho các loại giao dịch trên là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn cộng lãi tiền gửi.

Tăng thêm giá trị rủi ro thanh toán :

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;

5. Giá trị rủi ro hoạt động :

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do nguyên nhân khách quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Địa chỉ : Tầng 5, Tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

Giá trị rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng 12 tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán hoặc 20% vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ trừ đi :

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn và
- Dự phòng phải thu khó đòi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2021

Kế toán trưởng

Linh

Nguyễn Hải Linh

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ

Nguyễn Duy Long

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chin Ting



(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính)



CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA AASCS:

1. DỊCH VỤ KIỂM TOÁN:

- Kiểm toán báo cáo tài chính.
- Kiểm toán vì mục đích thuế.
- Kiểm toán hoạt động - tuân thủ - nội bộ.
- Kiểm toán quyết toán vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản hoàn thành.
- Kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.
- Kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp.
- Soát xét báo cáo tài chính.
- Kiểm toán các thông tin tài chính.

2. DỊCH VỤ KẾ TOÁN:

- Dịch vụ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính.
- Dịch vụ báo cáo thuế.
- Xây dựng các mô hình tổ chức bộ máy & tổ chức công tác kế toán.

3. DỊCH VỤ TƯ VẤN:

- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp.
- Tư vấn cổ phần hóa: xây dựng phương án cổ phần hóa, phương án kinh doanh, Điều lệ công ty, tư vấn tổ chức đại hội cổ đông, quyết toán chi phí cổ phần hóa.
- Tư vấn thuế.
- Tư vấn quản lý doanh nghiệp.
- Tư vấn tài chính - kế toán, phân tích tài chính.

4. ĐÀO TẠO NHÂN VIÊN VÀ CÁC DỊCH VỤ KHÁC:

- Tổ chức các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị doanh nghiệp, ứng dụng tin học trong công tác kế toán.
- Cung cấp và hướng dẫn sử dụng phần mềm kế toán.
- Cung cấp các văn bản pháp quy, các thông tin kinh tế - tài chính, sổ sách biểu mẫu, chứng từ.
- Hỗ trợ tuyển dụng nhân viên.

WIDE RANGE OF AASCS SERVICES:

1. AUDITING SERVICES:

- Audit of financial statements;
- Audit for taxation;
- Audit of operation - conformity - internal;
- Audit of the final accounts of basic construction investment;
- Audit of the completed projects final accounts;
- Audit of assets valuation for enterprises;
- Review of financial statements;
- Audit of financial information.

2. ACCOUNTING SERVICES:

- Recording the accounts and financial statements services;
- Taxation reports services;
- Establishment of the organizational kinds of apparatus & accounting.

3. CONSULTANCY SERVICES:

- Consultancy of assets valuation for enterprise;
- Consultancy of privatization: founding the privatized plan, business plan, company regulations, holding the shareholder's meeting, final accounts of privatization expenditure;
- Consultancy of taxation;
- Consultancy of business management;
- Consultancy of finance - accounting, financial analysis.

4. STAFF TRAINING AND OTHER SERVICES:

- Launching the development courses of finance, accounting, auditing, business management, and courses of informatics applications in accounting;
- Provision and introductions to use the accounting software;
- Providing the statutory documents, economic financial information, books, vouchers;
- Assisting in staffs recruitment.